

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 12/04/2004. Số định danh cá nhân: 030304007373. Địa chỉ cư trú: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn S, sinh ngày 06/02/1994. Số định danh cá nhân: 030094004057. Địa chỉ cư trú: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc N trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Văn S vào ngày 08/7/2022, được đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được gần 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau, anh S mãi chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con. Khi chị sinh con, anh S là người đi làm có thu nhập nhưng anh S cũng không đưa tiền cho chị để mua đồ dùng sinh hoạt, ăn uống nuôi con. Khi con chị được 5 tháng tuổi chị đã phải gửi con cho ông bà nội chăm sóc để đi làm kiếm tiền nuôi con. Anh S còn mang xe của chị đi cấm 3 lần để lấy tiền chơi bời, sau đó bố mẹ anh S phải đi chuộc về. Chị và gia đình nhiều lần động viên khuyên bảo anh S thay đổi để tập trung làm ăn nhưng anh S không thay đổi. Vì thế mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Tháng 01/2025, chị N xác định không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và cắt đứt hoàn toàn tình cảm với anh S. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh S để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Đức A, sinh ngày 24/12/2022. Nay quan điểm của chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Ngô Văn S, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh S nhiều lần đến trụ sở Tòa án để làm việc, song anh S đều không đến. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh S được.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Ngô Văn S1 là bố đẻ của anh S trình bày: anh S và chị M kết hôn năm 2022, sau khi kết hôn anh S và chị N chung sống với gia đình ông. Quá trình anh S và chị N chung sống tại gia đình ông đến khi chị N bỏ đi vào tháng 1/2025 ông không thấy anh chị có mâu thuẫn gì lớn. Sau khi chị N bỏ đi thì vợ ông và anh S đã đến nhà bố mẹ đẻ chị N để tìm chị N về, nhưng chị N không về. Hiện nay anh S đang làm công nhân tại Công ty sản xuất nển đóng tại xã T. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho anh S, ông S1 đều nhận thay và giao lại cho anh S. Tuy nhiên, anh S đi làm công ty không nghỉ được nên anh S không đến Toà án làm việc. Anh S có nói với ông chị N xin ly hôn thì cứ để Toà án giải quyết theo pháp luật, anh S cũng muốn nuôi con.

Tại biên bản xác minh tại Công an xã T thể hiện: Anh Ngô Văn S hiện đang cư trú tại thôn C, xã T, huyện K. Anh S hiện có mặt tại địa phương và đang làm công nhân của Công ty nển đóng trên xã T.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã T thể hiện: Chị N và anh S được UBND xã T đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2022, do anh S và chị N không hợp nhau nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 1/2025 đến nay.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh S; Về con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Đức A, sinh ngày 24/12/2022; Về tài sản chung: không đặt ra việc giải quyết; Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Ngô Văn S hiện đang cư trú tại huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc N và anh Ngô Văn S kết hôn trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai bên đã xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, hiện chị N đã bỏ về nhà bố mẹ ở hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh S đến Tòa án để tham gia phiên hoà giải nhưng anh S đều không đến. Như vậy, anh S đã bỏ mặc mối quan hệ vợ chồng chứ không có ý thức mong muốn hoà giải để hàn gắn đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc N xin ly hôn anh Ngô Văn S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì thấy: con chung của chị N và anh S là cháu Ngô Đức A, sinh ngày 24/12/2022 hiện dưới 36 tháng tuổi và do chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc với phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N xin tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc N, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc N và anh Ngô Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Đức A, sinh ngày 24/12/2022 cho chị Trần Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số 0006558 ngày 16 tháng 01 năm 2025. Chị N đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc N và anh Ngô Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Ngọc Bích